

Bản án số: 380/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2023
V/v Ly hôn Q-N

**NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Ông Võ Thái Quân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thông Phong - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2023 về ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thu Q, sinh năm 1980 nơi cư trú: Tổ 06, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Hiền N, sinh năm 1977 nơi cư trú: Tổ 15, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

Các đương sự xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 05 năm 2023 và lời khai của nguyên đơn bà Phan Thu Q trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông Đoàn Hiền N thành vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 32 ngày 10/05/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N có người phụ nữ khác và không lo cho gia đình nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà Q yêu cầu ly hôn với ông N.

Bà và ông N có 01 con chung tên Đoàn Hiền Thực Đ, sinh ngày 07/07/2001 hiện đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu giải quyết.

Bà và ông N không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Đoàn Hiền N trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Phan Thu Q.

Ông và bà Q có 01 con chung tên Đoàn Hiền Thực Đ, sinh ngày 07/07/2001 hiện đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu giải quyết.

Ông và bà Q không có tài sản chung, nợ chung

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Q được ly hôn với ông N. Bà Q và ông N có 01 con chung tên Đoàn Hiền Thực Đ, sinh ngày 07/07/2001 hiện đã trưởng thành và lao động được. Bà Q và ông N không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú thị trấn C, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Q và ông N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32

ngày 10/05/2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Q cho rằng mâu thuẫn phát sinh do ông N có người phụ nữ khác và không lo cho gia đình nên ly thân từ năm 2019 đến nay. Ông N cũng đã đồng ý ly hôn với bà Q. Bà Q và ông N ly thân một thời gian dài, không còn thiện chí hàn gắn với nhau, bà Q yêu cầu ly hôn được ông N đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà Q ly hôn ông N.

[2.2] Về con chung: Bà Q và ông N có 01 con chung tên Đoàn Hiền Thực Đ, sinh ngày 07/07/2001 đã trưởng thành và lao động được.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q, ông N trình bày không có nên không xem xét giải quyết

[2.4] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông N không phải chịu án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thu Q.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thu Q được ly hôn với ông Đoàn Hiền N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 10/05/2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Q và ông N có 01 con chung tên Đoàn Hiền Thực Đ, sinh ngày 07/07/2001 đã trưởng thành và lao động được.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí: Bà Q phải bồi 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006163 ngày 17 tháng 05 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

Bà Q và ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- UBND thị trấn C, huyện P;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn